

Số: 20/BC-THCSALL

An Lục Long, ngày 17 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Thực hiện Công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS An Lục Long

2. Địa chỉ trụ sở chính: TL 827A ấp Lộ Đá xã An Lục Long huyện Châu Thành tỉnh Long An

Số điện thoại: 02723.877.415

Website: <http://thcsanluclong.anluclong@edu.vn>

Email: c2anluclongct.longan@moet.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập – Cơ quan quản lý trực tiếp UBND xã An Lục Long.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, phát huy tính sáng tạo, khả năng thích ứng và năng lực tư duy của mỗi học sinh.

Cung cấp cho xã hội những học sinh có kiến thức sâu sắc, có tâm hồn trong sáng, có thể lực mạnh khỏe để tiếp tục học lên bậc học cao hơn hoặc đi vào lao động sản xuất, giúp các em trở thành các công dân tử tế và trung thành của đất nước.

4.2 Tầm nhìn

Là một trong những trường hàng đầu về chất lượng dạy và học; là sự lựa chọn ưu tiên của phụ huynh và học sinh có khát vọng vươn tới mạnh mẽ; là cộng đồng những người biết học tập suốt đời và được trang bị tốt cho tương lai.

Giai đoạn 2020 - 2025: Giáo dục học sinh có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm, tự trọng, có năng lực tư duy độc lập, phấn đấu học tập suốt đời.

Giai đoạn 2025 - 2030: Là nơi đáng tin cậy về chất lượng giáo dục

Nơi ươm mầm những ước mơ làm chủ tương lai, luôn khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy và sáng tạo, thích ứng với thời đại mới để sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

4.3. Mục tiêu chiến lược

Môi trường: Đổi mới cơ bản và toàn diện bảo đảm mang lại cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường một môi trường thuận lợi, để có thể phát huy năng lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp phát triển giáo dục; tạo cho học sinh môi trường học tập khang trang, hiện đại, an toàn và năng động, không ngừng nâng cao chất lượng với những kiến thức tiên tiến cập nhật và các kỹ năng cần thiết để học tập và lập nghiệp.

Giáo dục: Giáo dục học sinh có nhận thức đúng đắn về giá trị đạo đức, nhân cách. Có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội. Có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ; biết hợp tác, giao tiếp hiệu quả và học tập suốt đời; có trình độ về ngoại ngữ, tin học; bồi dưỡng lòng yêu nước nồng nàn, tự hào dân tộc gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và khát vọng góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phương pháp: Triệt để đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Dạy học theo phát triển phẩm chất, năng lực; học tập tích cực, hợp tác toàn diện, tư duy độc lập và khát vọng vươn lên

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS An Lục Long thuộc xã An Lục Long tọa lạc trên ấp Lộ Đá, xã An Lục Long, tỉnh Tây Ninh, nằm sát tỉnh lộ 827A, với tổng diện tích 5.938 m²
Tiền thân của trường THCS An Lục Long có từ năm học 1977 – 1978

Năm học 1977-1978: Cấp II có 03 lớp là phân hiệu của Trường PTCS Tầm Vu.

Từ năm học 1978 đến tháng 9 năm 1987 hệ cấp II thuộc Trường PTCS An Lục Long (Mẫu giáo, cấp I, cấp II).

Từ tháng 9 năm 1987 Trường PTCS An Lục Long tách ra làm 3 trường: Trường Mẫu giáo An Lục Long, Trường cấp I An Lục Long (nay là Tiểu học An Lục Long A) và Trường cấp I, II An Lục Long.

Ngày 28/08/1989 Trường cấp I, II An Lục Long tách ra làm 2 trường: Tiểu học An Lục Long B và THCS An Lục Long.

Trường THCS An Lục Long (Năm học 1989-1990).

Tổng số lớp: 11 (Khối 6: 3 lớp, Khối 7: 3 lớp, Khối 8: 3 lớp, Khối 9: 2 lớp)

Tổng số học sinh: 408

Tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên: 36

Cơ sở vật chất: 9 phòng (6 phòng học tạm thời, 2 phòng cấp 4, 1 phòng tol lá), các phòng học xuống cấp nghiêm trọng.

Quá trình xây dựng trường đạt chuẩn

Năm 2001 Bộ giáo dục và đào tạo có quyết định số 27/2001/QĐ-BGDĐT ngày 05/07/2001 về việc ban hành Quy chế công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010. Được sự chỉ đạo và hỗ trợ của các cấp lãnh đạo huyện Châu Thành, Phòng GD&ĐT, trường THCS An Lục Long

quyết tâm phấn đấu xây dựng trường đạt các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia trong điều kiện còn thiếu thốn về cơ sở vật chất. Năm 2023 trường THCS An Lục Long tiếp tục được tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và có đầy đủ cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho dạy và học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Bùi Văn Dự;

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc TL 827A ấp Lộ đá xã An Lục Long tỉnh Tây Ninh

Số điện thoại: 02723.877.415

Địa chỉ thư điện tử c2anluclongct.longan@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường, cho phép hoạt động giáo dục:

Trường THCS An Lục Long được thành lập theo Quyết định số 324/QĐ/UBND ngày 10 tháng 08 năm 2008 của UBND huyện Châu Thành.

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của UBND Châu Thành về việc chuyển giao nguyên trạng 08 đơn vị trường học thuộc UBND huyện Châu Thành về UBND xã An Lục Long quản lý;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Trường có Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số: 433/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành
Hội đồng trường gồm 13 người; hiện nay còn lại 10 người
Danh sách

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Trường THCS An Lục Long có 1 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng Bùi Văn Dự được bổ nhiệm theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của UBND xã An Lục Long.

- Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của UBND xã An Lục Long.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: (đính kèm).

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 được xây dựng theo kế hoạch số 107/KH-THCSALL, phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của xã An Lục Long theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục.

- Các nghị quyết của hội đồng trường.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	31			26				08	23	0				
1	Toán	5			4					4	1				
2	KHTN (Lí)	2			2					2					
3	KHTN (Hóa)	1			1					5					
4	KHTN (Sinh)	5			5					5					
5	Ngữ Văn	3			2					2	1				
6	Lịch sử	2			2					2					
7	Địa lí	1			1					1					
8	Tiếng Anh	3			2					1	2				
9	Tin học	2			1					2					
10	GDCD	1			1					1					
11	CN	2			1						1				
12	TD	3			3					2	1				
13	AN	1			1						1				
14	MT	1			1						1				
II	Cán bộ quản lý	2			2					2					
1	Hiệu trưởng	1			1					1					
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1					

III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1													
2	Nhân viên kế toán	1													
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1													
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	1.4
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	09	0.1
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	0.3
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42.1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5938	10.75

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2500	4.5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	64	1.74
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	90	
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	200	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	64	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	16	1
1.1	Khối lớp 6	4	1
1.2	Khối lớp 7	4	1
1.3	Khối lớp 8	4	1
1.4	Khối lớp 9	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	5/14
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
-----------	--------------------------------------	------------------------

1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
..			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	3	0	60
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trường THCS An Lục Long đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28, tỉ lệ: 100 %.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28, tỉ lệ: 100 %.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 13/20, tỉ lệ: 65 %.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 4: 0, tỉ lệ: 0%.

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian

Quyết định số 335/QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 04 năm 2023 công nhận trường THCS An Lục Long đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2.

Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2023 công nhận trường THCS An Lục Long đạt chuẩn quốc gia mức 1.

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm**

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025-2026:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2024-2025):

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng

tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Duy trì và nâng cao chất lượng dạy và học nhất là công tác ôn thi tuyển sinh 10 đạt kết quả cao có 83/87 em đạt vào lớp 10.

Thực hiện tốt phong trào thi đua trong học tập, rèn luyện văn hóa nghệ thuật và thi đấu thể dục thể thao.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2025 của Trường THCS An Lục Long

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH xã ALL;
- TV Hội đồng trường;
- Công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dự